|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Chính phủ, Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước của Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Công an chủ trì xây dựng, tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử (thay thế Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử), Bộ Công an kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử với những nội dung cơ bản như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Ngày 27/11/2023, kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV thông qua Luật Căn cước, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Nội dung Luật Căn cước có quy định Căn cước điện tử là căn cước của công dân Việt Nam được thể hiện thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập. Tại khoản 5 Điều 31 Luật Căn cước quy định “Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp căn cước điện tử”. Tại khoản 5 Điều 34 Luật Căn cước quy định “Chính phủ quy định trình tự, thủ tục khóa, mở khóa căn cước điện tử”.

- Luật Căn cước có quy định về việc cấp căn cước cho công dân dưới 14 tuổi, do vậy cần bổ sung quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử cho phù hợp với quy định của Luật Căn cước.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chíp bán dẫn).

- Văn kiện Đại hội Đảng khóa XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 xác định nhiệm vụ là: Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia. Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số.

**2. Cơ sở thực tiễn**

*2.1. Về công tác cấp, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử*

Triển khai thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử, đến nay Bộ Công an đã cấp trên 70,2 triệu tài khoản định danh điện tử cho người dân (vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao). Triển khai các tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia (VneID) vượt chỉ tiêu đề ra, trong đó có những nội dung mang lại nhiều tiện ích cho người dân như:

(1) Đã tích hợp, sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng dịch vụ công Quốc gia với trung bình 15.312 lượt sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập/01 ngày, giúp người dân khắc phục tình trạng công dân không có số điện thoại chính chủ để tạo tài khoản đăng nhập, sử dụng dịch vụ công. ​

(2) Tích hợp 169,5 triệu thông tin mũi tiêm Covid-19 với tài khoản định danh điện tử. Giúp người dân không phải mang giấy chứng nhận đã tiêm vắcxin Covid-19 khi tham gia giao thông trong năm 2022. ​

(3) Triển khai dịch vụ công thông báo lưu trú trên tài khoản định danh điện tử với 1,1 triệu lượt. Giúp người dân không phải đến cơ quan Công an để thực hiện khai báo lưu trú.

​(4) Tích hợp thẻ căn cước trên tài khoản định danh điện tử. Giúp người dân không phải mang theo nhiều giấy tờ, sử dụng tài khoản định danh điện tử làm thủ tục tại 22 các cảng hàng không nội địa mà không cần xuất trình thẻ căn cước gắn chip.

​(5) Tích hợp thông tin cư trú của công dân, gồm thông tin hành chính của chủ hộ và các thành viên khác trong hộ gia đình lên tài khoản định danh điện tử, là giải pháp thay thế sổ hộ khẩu giấy.

​(6) Triển khai tiện ích kiến nghị, phản ánh về an ninh - trật tự trên tài khoản định danh điện tử: Đã có 5.974 kiến nghị phản ánh từ người dân. Tạo thuận tiện cho người dân trong việc phản ánh về tình hình an ninh - trật tự mà không phải đến cơ quan Công an, góp phần giúp phòng ngừa tội phạm từ sớm, từ xa.

​(7) Triển khai tuyên truyền, cảnh báo thủ đoạn tội phạm trên tài khoản định danh điện tử với các nội dung cảnh báo thủ đoạn giả danh các cơ quan Công an để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bên cạnh các kết quả tích cực, trong quá trình triển khai công tác cấp, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử đã xuất hiện một số tồn tại và các vấn đề phát sinh cần phải được xem xét để sửa đổi, bổ sung, cụ thể như sau:

Một là, việc người dân sử dụng thuê bao chưa đăng ký thông tin người sử dụng, thuê bao ít sử dụng, không sử dụng để đăng ký tài khoản định danh điện tử, dẫn đến khó khăn trong việc kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử.

Hai là, chưa quy định rõ các tiện ích của ứng dụng định danh quốc gia.

Ba là, khó khăn trong triển khai cấp tài khoản định danh điện tử cho tổ chức: Đối với tổ chức không có mã số thuế khi cấp tài khoản định danh điện tử sẽ được hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập mã định danh riêng để sử dụng; tuy nhiên, sau đó tổ chức này được cơ quan quản lý thuế cấp mã số thuế riêng; như vậy là chưa có sự đồng nhất giữa mã định danh điện tử của tổ chức và mã số thuế, gây khó khăn cho công tác quản lý. Theo đó, cần chỉnh lý quy định về mã định danh điện tử đối với tổ chức cho phù hợp, theo hướng đây là dãy số tự nhiên do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập cho tổ chức, thông tin về mã số thuế của tổ chức (nếu có) sẽ là 01 thông tin thuộc danh tính điện tử của tổ chức được đồng bộ vào hệ thống định danh và xác thực điện tử.

*2.2. Về cung cấp dịch vụ xác thực điện tử*

Ngày 16/01/2024, Bộ trưởng Bộ Công an đã ký Quyết định số 170/QĐ-BCA cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước (là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Công an). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để cung cấp dịch vụ xác thực điện tử phục vụ triển khai Đề án 06/CP, chuyển đổi số quốc gia, hướng tới cung cấp dịch vụ trực tuyến cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Bước đầu, Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước đã triển khai thí điểm các dịch vụ về xác thực điện tử như: Tích hợp ví điện tử, mở tài khoản thanh toán, chữ ký số, an sinh xã hội, lý lịch tư pháp, thuê bao di động… Tuy nhiên, quá trình triển khai có một số quy định cần phải điều chỉnh, bổ sung để để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc như:

Một là, quy định về xác thực điện tử trước đây chỉ bó hẹp với việc xác thực các dữ liệu được tạo lập từ hệ thống định danh điện tử, trong khi đó dữ liệu của người dân, doanh nghiệp được tạo lập, lưu trữ, xác thực từ nhiều nguồn khác nhau. Do vậy, cần thiết phải mở rộng các dữ liệu và dịch vụ được xác thực qua Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

Hai là, tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử chưa quy định các phương án tổ chức hoạt động thông qua các đại lý phân phối dịch vụ dẫn tới việc cung cấp dịch vụ xác thực điện tử có nhiều hạn chế, khó mở rộng và tiếp cận dịch vụ tới nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

Ba là, mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử chưa bổ sung các yếu tố xác thực theo quy định của Luật Căn cước như sinh trắc giọng nói, mống mắt.

Bốn là, chưa có quy định về giá trị của các dịch vụ xác thực điện tử đối với các giao dịch để khẳng định chủ thể danh tính, xác minh cho các giao dịch được đảm bảo và bên sử dụng dịch vụ tự quyết định về các mức độ xác thực được cung cấp từ Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

*2.3. Để phục vụ việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.*

Đề án số 06 cũng đã xác định một số nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phát huy giá trị, tiện ích thẻ căn cước, ứng dụng định danh quốc gia công dân gồm:

(1) Bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ căn cước, ứng dụng định danh điện tử quốc gia (VNeID), trong đó, tập trung thực hiện ngay đối với một số giấy tờ như: Bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, mã số chứng chỉ hoặc giấy phép hành nghề, tiêm chủng, giáo dục, thẻ cán bộ, công chức, viên chức...

(2) Nghiên cứu, triển khai thí điểm việc ứng dụng các tính năng, tiện ích có sẵn của chíp điện tử trên thẻ căn cước đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(3) Triển khai rộng rãi việc ứng dụng các tính năng, tiện ích của chíp điện tử trên thẻ căn cước đối với các lĩnh vực tài chính, hoạt động ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...) và một số lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội khác.

(4) Triển khai ứng dụng các tính năng của chíp điện tử gắn trên thẻ căn cước và ứng dụng định danh quốc gia trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội nhất là các lĩnh vực chuyển đổi số mạnh nhất như: Ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...), tài chính, viễn thông, điện, nước.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực tiễn, hướng dẫn thi hành nội dung theo quy định của Luật Căn cước, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tình hình hiện nay, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử để hoàn thiện hành lang cơ sở pháp lý triển khai thực hiện, tạo bước đột phá về chuyển đổi số ở nước ta.

Từ các căn cứ nêu trên, việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2022/NĐ-CP cho phù hợp với quy định của Luật Căn cước năm 2023 và đáp ứng yêu cầu thực tiễn là cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

**1. Mục đích**

a) Nhằm hoàn thiện hành lang cơ sở pháp lý cho việc đăng ký, quản lý, sử dụng tài khoản định danh điện tử, dịch vụ xác thực điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch trên môi trường mạng, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn thông tin;

b) Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thời gian qua; hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về chuyển đổi số hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

a) Đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nói chung và pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng; định hướng của Chính phủ về hoàn thiện hạ tầng và chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển Chính phủ điện tử;

b) Phù hợp tình hình kinh tế, xã hội với hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin của tổ chức, doanh nghiệp và người dân ở Việt Nam;

c) Việc xây dựng dự thảo Nghị định được tiến hành trên cơ sở thực tiễn; kế thừa các quy định còn phù hợp, khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người dân trong đi lại, giao dịch, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, yêu cầu quản lý dân cư, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật;

d) Đảm bảo tính khả thi của các quy định; đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

2. Xây dựng Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử.

3. Đăng Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an; gửi xin ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Công an các đơn vị, địa phương đối với dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định.

4. Tổng hợp các ý kiến tham gia và xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia.

5. Chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

6. Xây dựng Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và trình Chính phủ xem xét ban hành.

**IV. NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ ĐỊNH**

**1. Về bố cục của Nghị định**

Bao gồm 06 chương với 37 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I về quy định chung gồm 04 điều, từ Điều 1 đến Điều 4:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng.

+ Điều 3. Giải thích từ ngữ.

+ Điều 4. Nguyên tắc định danh và xác thực điện tử.

- Chương II về danh tính điện tử, định danh điện tử gồm 05 điều, từ Điều 5 đến Điều 9:

+ Điều 5. Danh tính điện tử người nước ngoài.

+ Điều 6. Danh tính điện tử tổ chức.

+ Điều 7. Phân loại, đối tượng được cấp căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

+ Điều 8. Cập nhật thông tin vào căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử.

+ Điều 9. Sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo lập.

- Chương III về tài khoản định danh điện tử và xác thực điện tử gồm 12 điều, từ Điều 10 đến Điều 21:

+ Điều 10. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1, căn cước điện tử đối với công dân Việt Nam.

+ Điều 11. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài.

+ Điều 12. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức.

+ Điều 13. Thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử.

+ Điều 14. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử.

+ Điều 15. Trình tự, thủ tục khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử mức độ 1, căn cước điện tử của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài và tổ chức.

+ Điều 16. Thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.

+ Điều 17. Lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.

+ Điều 18. Kết nối, sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử.

+ Điều 19. Xác thực điện tử.

+ Điều 20. Mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử.

+ Điều 21. Phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Chương IV về dịch vụ xác thực điện tử gồm 06 điều, từ Điều 22 đến Điều 27:

+ Điều 22. Dịch vụ xác thực điện tử.

+ Điều 23. Điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử.

+ Điều 24. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử.

+ Điều 25. Cấp lại, thay đổi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử.

+ Điều 26. Thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử.

+ Điều 27. Chí phí cấp, sử dụng tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử.

- Chương V về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm 08 điều, từ Điều 28 đến Điều 35:

+ Điều 28. Trách nhiệm chủ thể danh tính điện tử.

+ Điều 29. Trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ.

+ Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản.

+ Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Công an.

+ Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng.

+ Điều 34. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ.

+ Điều 35. Trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Chương VI về điều khoản thi hành gồm 02 điều, Điều 36. Hiệu lực thi hành và Điều 37. Trách nhiệm thi hành.

**2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

2.1.Về quy định chung:

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định về danh tính điện tử, định danh điện tử, xác thực điện tử; dịch vụ xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

2.2. Về danh tính điện tử, định danh điện tử:

- Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm: Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; Ảnh khuôn mặt; Vân tay.

- Danh tính điện tử của tổ chức gồm: Mã định danh điện tử của tổ chức; Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có); Ngày, tháng, năm thành lập; Địa chỉ trụ sở chính; Mã số thuế (nếu có); Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài thực hiện đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

- Cập nhật thông tin vào căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử: Thông tin trong căn cước điện tử của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài và tổ chức được cập nhật từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu căn cước, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

- Phân loại, đối tượng được cấp căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử: Công dân Việt Nam được cấp tài khoản định danh mức độ 1, căn cước điện tử. Công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ, người được đại diện thì đăng ký cấp căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử mức độ 1 theo người đại diện hoặc người giám hộ. Người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1, tài khoản định danh điện tử mức độ 2. Người nước ngoài là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ, người được đại diện thì đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử theo người đại diện hoặc người giám hộ. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

- Sử dụng tài khoản định danh điện tử, tài khoản khác do cơ quan, tổ chức, cá nhân tạo lập: Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập và sử dụng các tính năng, tiện ích trên ứng dụng định danh quốc gia, trang thông tin định danh điện tử. Tài khoản định danh điện tử được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thể danh tính điện tử. Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của người nước ngoài có giá trị tương đương như việc sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của người nước ngoài được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó. Tài khoản định danh điện tử của tổ chức do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc giao cho người được ủy quyền sử dụng. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị chứng minh danh tính điện tử của tổ chức khi thực hiện giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh thông tin về tổ chức đó; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của tổ chức được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

2.3. Về tài khoản định danh điện tử và xác thực điện tử.

- Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1, căn cước điện tử đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài, tổ chức.

- Thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử: Đối với trường hợp công dân Việt Nam đã có thẻ căn cước: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1; không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp căn cước điện tử. Đối với trường hợp công dân Việt Nam chưa có thẻ căn cước: Không quá 07 ngày làm việc. Đối với người nước ngoài: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1; không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đã có thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh; không quá 07 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 nhưng chưa có thông tin về ảnh khuôn mặt, vân tay trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh. Đối với tổ chức: Không quá 01 ngày làm việc với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; không quá 15 ngày với trường hợp thông tin cần xác thực về tổ chức không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử: Chủ thể danh tính điện tử thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử trên ứng dụng định danh quốc gia trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử.

- Thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an có thẩm quyền cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam, tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức, quyết định khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.

- Lưu trữ thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử: Thông tin về tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử được lưu trữ vĩnh viễn trong hệ thống định danh và xác thực điện tử. Thông tin lịch sử về việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử được lưu trữ trong hệ thống định danh và xác thực điện tử với thời hạn 05 năm kể từ thời điểm sử dụng.

- Mức độ xác thực tài khoản định danh điện tử: Mức độ 1: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên một yếu tố xác thực và phương tiện xác thực trong đó không có thông tin về sinh trắc học. Mức độ 2: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên hai yếu tố xác thực khác nhau, trong đó không có thông tin về sinh trắc học. Mức độ 3: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên hai yếu tố xác thực khác nhau trở lên, trong đó có một thông tin về sinh trắc học. Mức độ 4: Xác thực tài khoản định danh điện tử được thực hiện dựa trên các yếu tố xác thực gồm ít nhất 01 yếu tố về sinh trắc học (ảnh khuôn mặt, vân tay, giọng nói, mống mắt), ít nhất 01 yếu tố của chủ thể danh tính điện tử sở hữu (thẻ căn cước, thiết bị, phần mềm) và 01 yếu tố chủ thể danh tính điện tử biết (mật khẩu; mã bí mật; mã vạch 2 chiều).

2.4. Về dịch vụ xác thực điện tử:

- Dịch vụ xác thực điện tử là ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Quy định cụ thể về điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; cấp lại, thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử; thu hồi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử

- Chi phí cấp tài khoản định danh điện tử và sử dụng dịch vụ xác thực điện tử: Chủ thể danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam, người nước ngoài không phải thanh toán chi phí đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ xác thực điện tử thanh toán chi phí cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo thỏa thuận.

2.5. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Quy định cụ thể về trách nhiệm chủ thể danh tính điện tử, trách nhiệm của bên sử dụng dịch vụ, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản, trách nhiệm của Bộ Công an, trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ, trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử, Bộ Công an kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Hồ sơ gửi kèm theo gồm: Dự thảo Nghị định, Báo cáo tổng kết thi hành, Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia, Báo cáo thẩm định, Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và tài liệu khác có liên quan).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, C06. | **BỘ TRƯỞNG**  **Đại tướng Tô Lâm** |